TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-ST
Ngày: 14-8-2025
V/v tranh chấp tiền hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Ông Trần Văn Liêm.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về "tranh chấp tiền hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Trần Tuyết N, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp X, xã T1, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã T1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp C, xã T2, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T3, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn (bà Nguyễn Trần Tuyết N) trình bày:

Bà N là chủ hụi. Bà T có tham gia chơi 01 dây hụi do bà N làm chủ. Hụi khui ngày 10/7/2023; 3.000.000 đồng/tháng; có 15 người chơi, bà T tham gia chơi 01 phần. Đến ngày 10/9/2023, bà T đã hốt hụi được 24.600.000 đồng. Bà N đã giao hụi cho bà T bằng tiền mặt là 24.600.000 đồng; bà T xác nhận bằng cách ký vào giấy giao hụi. Số tiền bà T phải đóng hụi chết là 12 kỳ x 3.000.000 đồng = 36.000.000 đồng, tức là mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng bắt đầu từ ngày

10/10/2023 cho đến 10/9/2024 là hụi kết thúc. Theo bà N xác định là bà T chưa đóng hụi chết từ ngày 10/10/2023 cho đến nay. Do bà N bận công việc, phải chăm sóc 02 con nhỏ, với lại bà N cũng lên gặp bà T nhưng bà T hứa hẹn nhiều lần nên đến năm 2025 mới khởi kiện. Bà N chỉ chấp nhận việc đóng hụi nếu bà T chuyển khoản cho bà N từ tài khoản của bà T có nội dung đóng tiền hụi, nếu chuyển vào tài khoản của chồng bà N cũng vậy thì bà N mới chấp nhận. Còn chuyển khoản từ tài khoản của người khác hoặc không ghi rõ nội dung tiền hụi thì bà N không chấp nhận.

Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu bà T phải trả lại cho bà N tổng số tiền hụi còn nợ là 36.000.000 đồng.

Tại phiên họp công khai chứng cứ, bà N chỉ yêu cầu bà T trả số tiền hụi là 24.000.000 đồng. Đối với số tiền 12.000.000 đồng bà N không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến gì khác.

Theo bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và quá trình tham gia tố tụng, ý kiến bà Nguyễn Thị Ngọc T thể hiện:

Bà T có tham chơi 01 dây hụi do bà N làm chủ khui ngày 15/3/2023. Hụi 3.000.000 đồng/tháng. Hụi có 12 người chơi, bà T chơi 01 phần. Đến ngày 15/6/2023, bà T được hốt hụi. Tiền hốt hụi là 24.600.000 đồng nhưng sau khi trừ tiền chủ hụi 3.150.000 đồng, bà T chỉ nhận được 21.450.000 đồng. Giấy giao hụi do bà N cung cấp trong hồ sơ vụ án là do bà T ký bên người nhận hụi. Sau khi hốt hụi bà T đã đóng được 05 tháng tiền hụi chết tổng số tiền 15.000.000 đồng. Tháng 2/2025, bà N lên nhà bà T báo cho bà T biết là bà T còn nợ lại 07 tháng hụi chết là 21.000.000 đồng. Bà T đóng liền cho bà N ngay lúc đó 3.000.000 đồng, tháng sau bà T tiếp tục đóng 1.500.000 đồng nữa. Sau đó, cao su nghỉ cạo nên bà T không đóng tiếp được, bà T có xin khi nào vô cạo lại thì bà T đóng tiếp nhưng bà N không đồng ý mà khởi kiện ra Toà. Hiện bà T chỉ còn nợ bà N số tiền hụi là 16.500.000 đồng. Bà T đóng hụi chết cho bà N bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản số 5504205333745 và 0844663878 của bà N tại ngân hàng OCB. Hai lần cuối bà T chuyển khoản đến số tài khoản của chồng bà N tên C nhưng không cung cấp được số tài khoản và số tiền chuyển. Nguyên đơn bà N yêu cầu bà T phải trả lại cho bà N tổng số tiền hụi còn nợ là 36.000.000 đồng thì bà T không đồng ý vì bà T chỉ còn nợ lại tiền hụi là 16.500.000 đồng. Bà T chỉ đồng ý trả số tiền hụi còn nợ 16.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán,Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt, bị đơn xin vắng

mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ một phần. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N, bị đơn bà T vắng mặt nhưng đã có ý kiến trình bày, có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà N yêu cầu bị đơn bà T phải thanh toán số tiền hụi còn nợ là 36.000.000 đồng. Bà T hiện đang cư trú tại ấp Chợ, phường Tây Nam, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025. Quan hệ pháp luật là tranh chấp tiền hụi. Tại phiên hòa giải, nguyên đơn bà N chỉ yêu cầu bà T thanh toán số tiền hụi là 24.000.000 đồng, không tranh chấp đối với số tiền 12.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với số tiền 12.000.000 đồng này của bà N.

[3] Về người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày về việc có chuyển khoản trả tiền hụi cho nguyên đơn bà N thông qua tài khoản ngân hàng của ông Cường chồng bà N nhưng không xác định được tài khoản, số tiền, thời gian chuyển. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ cho bị đơn nhưng bị đơn không cung cấp được. Ông Nguyễn Thanh Cường, sinh năm 1984. Địa chỉ: khu phố Dòng Sỏi, phường An Tây, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố Dòng Sỏi, phường Tây Nam, Thành phố Hồ Chí Minh) là chồng bà Nguyễn Trân Tuyết Nhi có văn bản gửi Tòa án xác định không giao dịch, không nhận chuyển khoản gì từ bị đơn và không có liên quan đến giao dịch chơi hụi giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó, Tòa án không có căn cứ đưa ông Cường tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận bị đơn có tham gia chơi dây hụi do nguyên đơn làm chủ. Bị đơn thừa nhận có ký trên giấy giao hụi đề ngày 10/9/2023 do nguyên đơn cung cấp. Số tiền hốt hụi là 24.600.000 đồng, tiền hụi chết còn phải đóng là 36.000.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025. Bà N yêu cầu bà T thanh toán số tiền hụi còn nợ là 24.000.000 đồng theo giấy giao hụi có chữ ký xác nhận của bà T trên cơ sở thừa

nhận bà T đã đóng được số tiền 12.000.000 đồng thông qua số tài khoản 0844663878 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông của bà N. Bà T cho rằng bà đã đóng được cho nguyên đơn tổng số tiền 19.500.000 đồng thông qua chuyển khoản ngân hàng đến số tài khoản của nguyên đơn và Nhi và chồng bà N là ông Cường, chỉ còn nợ tiền hụi chết là 16.500.000 đồng và chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 16.500.000 đồng. Tòa án đã thông báo cho bị đơn về việc cung cấp chứng cứ chứng minh việc chuyển khoản của bị đơn cho Nhi, ông Cường nhưng bị đơn không cung cấp được. Căn cứ vào văn bản số 538/CV-BIDV.MP ngày 13/6/2025 và sao kê tài khoản kèm theo có căn cứ xác định bị đơn bà T đã chuyển khoản từ số tài khoản 6521339240 tại Ngân hàng TMCP Xây dựng và Phát triển Việt Nam của bà T đến số tài khoản 0844663878 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông của nguyên đơn bà Nguyễn Trần Tuyết N từ 21/12/2023 (sau thời điểm giao hụi 10/9/2023) đến ngày 17/12/2024 tổng số tiền là 13.500.000 đồng (gồm 04 lần chuyển 3.000.000 đồng, 01 lần chuyển 1.500.000 đồng). Nguyên đơn bà N chỉ đồng ý thừa nhận bị đơn đã chuyển tổng số tiền là 12.000.000 đồng, còn số tiền 1.500.000 đồng là thanh toán tiền vay giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Có căn cứ xác định bị đơn đã thanh toán tổng số tiền hụi cho nguyên đơn là 13.500.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu của bà N về việc buộc bà T thanh toán số tiền 24.000.000 đồng chỉ được chấp nhận một phần đối với số tiền 22.500.000 đồng.

[5] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ các Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Trần Tuyết N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc "tranh chấp tiền hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Trần Tuyết N số tiền là 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Trần Tuyết N đối với số tiền hụi 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu giải quyết của bà Nguyễn Trần Tuyết N đối với số tiền hụi 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 1.125.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Trần Tuyết N phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007439 ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi khấu trừ hoàn trả cho bà N số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh;
- THA DS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Tuyền